

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN KRÔNG NĂNG
TỈNH ĐẮK LẮK**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 08/2020/DS-ST
Ngày 27 tháng 3 năm 2020
“V/v: Tranh chấp hợp đồng vay tài sản”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN KRÔNG NĂNG, TỈNH ĐẮK LẮK

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Tạ Thanh Hoàng.

Các hội thẩm nhân dân: 1. Ông Nguyễn Văn Lam.

2. Bà Hoàng Thị Phương.

Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Mậu Tuân, Thư ký Tòa án nhân dân huyện Krông Năng, tỉnh Đắk Lắk.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Krông Năng tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Cát Càng, chức vụ Kiểm sát viên.

Ngày 27 tháng 3 năm 2019, Tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện Krông Năng xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 234/2019/TLST-HNGĐ ngày 19 tháng 8 năm 2019 về “Tranh chấp hợp đồng vay tài sản” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 03/2020/QĐXXST-DS ngày 11 tháng 02 năm 2020 và Quyết định hoãn phiên tòa số 11/2020/QĐST-HNGĐ ngày 28 tháng 02 năm 2020 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển nông thôn Việt Nam.

Địa chỉ: 02 Láng Hạ, phường Thành Công, quận Ba Đình, thành phố Hà Nội.

Người đại diện theo pháp luật: Ông Trịnh Ngọc K - Chủ tịch Hội đồng quản trị.

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Phan K T - Giám đốc Ngân hàng N - Chi nhánh E.

Người đại diện theo ủy quyền lại: Ông Phan Đình D - Phó giám đốc Ngân hàng N - Chi nhánh E - Có mặt.

Địa chỉ: Số nhà 53 đường A, thị trấn K, huyện K, tỉnh Đắk Lắk.

Bị đơn: Ông Hoàng Văn M và bà Nguyễn Thị P - Vắng mặt.

Địa chỉ: Thôn L, xã P, huyện K, tỉnh Đắk Lắk.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Anh Hoàng Văn L - Vắng mặt, chị Hoàng Thị C - Có đơn xin xét xử vắng mặt.

Địa chỉ: Thôn L, xã P, huyện K, tỉnh Đắk Lắk.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

** Tại đơn khởi kiện ngày 02/8/2019, trong quá trình giải quyết và tại phiên tòa, người đại diện theo ủy quyền lại của nguyên đơn là ông Phan Đình D trình bày:*

Vào ngày 04/7/2018, Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển nông thôn Việt Nam có cho ông Hoàng Văn M, bà Nguyễn Thị P vay số tiền 860.000.000 đồng, theo hợp đồng tín dụng số 5227LAV201802180, thời hạn vay 36 tháng, mức lãi suất trong hạn 9,5%/năm, nếu quá hạn phải chịu mức lãi suất bằng 150% so với mức lãi suất trong hạn, mục đích vay về để chăm sóc cà phê, trồng mới hồ tiêu, mua sắm vật dụng sinh hoạt.

Số tiền vay 860.000.000 đồng được chia làm 03 lần phân kỳ trả nợ: Vào ngày 04/7/2019 phải trả số tiền gốc 280.000.000 đồng, vào ngày 04/7/2020 phải trả số tiền gốc 280.000.000 đồng và vào ngày 04/7/2021 phải trả số tiền gốc 300.000.000 đồng.

Để đảm bảo cho việc vay nợ trên hộ ông Hoàng Văn M, bà Nguyễn Thị P đã ký hợp đồng thế chấp số 52227LCP2014240785595 ngày 25/8/2014, hợp đồng thế chấp số 5227LCP201500060 ngày 12/01/2015 và hai phụ lục hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất ngày 03/7/2018 thế chấp các tài sản cho Ngân hàng khi không trả được nợ gồm: Diện tích 6.150 m² cà phê và tài sản gắn liền với đất, tại thửa đất số 119, tờ bản đồ số 9 theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số P 069592 ngày 03/6/2002 mang tên hộ ông Hoàng Văn M; Diện tích đất 5050,7 m² đất trồng cây lâu năm và tài sản gắn liền với đất, tại thửa đất số 1, tờ bản đồ số 61 theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BA 789627 ngày 20/5/2010 mang tên hộ ông Hoàng Văn M, bà Nguyễn Thị P; Diện tích đất 8688,2 m² đất trồng cây lâu năm và tài sản gắn liền với đất, tại thửa đất số 18, tờ bản đồ số 21 theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BQ 795075 ngày 30/6/2014 mang tên hộ ông Hoàng Văn M, bà Nguyễn Thị P.

Ông Hoàng Văn M, bà Nguyễn Thị P đã trả cho Ngân hàng tiền lãi phát sinh từ ngày 04/7/2018 đến ngày 01/01/2019 là 41.409.589 đồng. Nay đã đến hạn trả nợ nhưng ông Hoàng Văn M, bà Nguyễn Thị P không trả tiền cho Ngân hàng theo thỏa thuận và ông M, bà P đã bỏ đi khỏi địa phương. Do đó, Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển nông thôn Việt Nam khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết:

+ Buộc ông Hoàng Văn M và bà Nguyễn Thị P phải thực hiện nghĩa vụ trả nợ cho Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển nông thôn Việt Nam số tiền gốc 860.000.000 đồng, nợ lãi trong hạn và quá hạn đến ngày xét xử.

+ Yêu cầu ông Hoàng Văn M, bà Nguyễn Thị P phải tiếp tục trả lãi phát sinh theo mức lãi suất thỏa thuận tại Hợp đồng tín dụng số 5227LAV201802180 ngày 04/7/2018 cho đến ngày trả hết nợ gốc cho Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển nông thôn Việt Nam.

+ Trường hợp ông Hoàng Văn M và bà Nguyễn Thị P không thực hiện hoặc thực hiện không đúng nghĩa vụ trả nợ thì ngay sau khi bản án, quyết định của Tòa án có hiệu lực pháp luật thì Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển nông thôn

Việt Nam có quyền yêu cầu cơ quan Thi hành án dân sự xử lý tài sản bảo đảm của hộ ông Hoàng Văn M và bà Nguyễn Thị P theo Hợp đồng thế chấp ngày 25/8/2014, ngày 12/01/2015 và phụ lục hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất ngày 03/7/2018 đã ký giữa các bên.

+ Trường hợp số tiền thu được từ việc xử lý tài sản bảo đảm không đủ trả nợ cho Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển nông thôn Việt Nam thì Ngân hàng có quyền yêu cầu cơ quan Thi hành án dân sự xử lý bất cứ tài sản nào thuộc quyền sở hữu, sử dụng của ông Hoàng Văn M và bà Nguyễn Thị P để thu hồi nợ theo quy định của pháp luật. Tại phiên tòa, nguyên đơn xin rút yêu cầu này đối với ông Hoàng Văn M và bà Nguyễn Thị P.

** Tại bản tự khai ngày 18/12/2019, trong quá trình giải quyết vụ án người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan chị Hoàng Thị C trình bày:* Chị Hoàng Thị C là con đẻ của ông Hoàng Văn M, bà Nguyễn Thị P. Từ năm 2014 đến nay, chị Hoàng Thị C cùng với ông Hoàng Văn M và anh Hoàng Văn L nhiều lần ký hợp đồng ủy quyền cho bà Nguyễn Thị P thực hiện vay vốn tại Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển nông thôn Việt Nam - Chi nhánh Ea Tóh - Bắc Đăk Lăk. Nội dung ủy quyền là chị C ủy quyền cho bà P toàn quyền quyết định cho mượn, mua bán, chuyển nhượng, tặng cho, thế chấp, thế chấp để đảm bảo cho bên thứ ba vay vốn tại ngân hàng, giải quyết mọi rủi ro từ việc ủy quyền.

Sau khi chị C, ông M, anh L ủy quyền cho bà Nguyễn Thị P thì chị C không biết bà P đã vay vốn tại Ngân hàng với số tiền bao nhiêu, thế chấp tài sản gì hay không. Ngân hàng khởi kiện yêu cầu ông Hoàng Văn M, bà Nguyễn Thị P phải trả số tiền gốc 860.000.000 đồng cùng lãi phát sinh thì ý kiến của chị C là chị không liên quan đến việc vay mượn, tài sản thế chấp thuộc quyền sở hữu của ông M, bà P. Chị Hoàng Thị C đề nghị Tòa án xử lý tài sản mà bà P đã thế chấp cho Ngân hàng theo quy định của pháp luật.

Tại phiên tòa Kiểm sát viên Viện kiểm sát nhân dân huyện Krông Năng tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến:

Về thủ tục tố tụng: Quá trình thụ lý giải quyết vụ án và tại phiên tòa, Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa đã chấp hành theo đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng:

Đối với đại diện theo ủy quyền lại của nguyên đơn: Ông Phan Đình D đã chấp hành đầy đủ quyền và nghĩa vụ được quy định tại Điều 70, Điều 71 Bộ luật tố tụng dân sự.

Đối với bị đơn: Quá trình giải quyết vụ án Tòa án đã tổng đạt các văn bản tố tụng cho ông Hoàng Văn M, bà Nguyễn Thị P theo đúng quy định của pháp luật nhưng bị đơn vẫn không có mặt, không có lý do là không chấp hành đúng theo quy định tại Điều 70, Điều 72 Bộ luật tố tụng dân sự.

Đối với người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Quá trình giải quyết vụ án Tòa án đã tổng đạt các văn bản tố tụng cho ông Hoàng Văn L, bà Hoàng Thị C theo đúng quy định của pháp luật nhưng anh Hoàng Văn L vẫn không có mặt, không có lý do là không chấp hành đúng theo quy định tại Điều 70, Điều 73 Bộ luật tố tụng dân sự.

Về nội dung vụ án: Xét thấy yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là có căn cứ nên đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa. Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về quan hệ pháp luật và thẩm quyền giải quyết vụ án: Căn cứ nội dung, yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn và các tài liệu, chứng cứ do nguyên đơn cung cấp thì đây là vụ án “*Tranh chấp hợp đồng vay tài sản*” thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Krông Năng tỉnh Đắk Lắk theo quy định tại khoản 3 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về thủ tục tố tụng: Quá trình giải quyết vụ án Tòa án đã triệu tập ông Hoàng Văn M, bà Hoàng Thị P, anh Hoàng Văn L nhiều lần để làm việc và hòa giải nhưng ông M, bà P, anh L vắng mặt không có lý do. Chị Hoàng Thị C có đơn yêu cầu Tòa án xét xử vắng mặt. Vì vậy, Tòa án căn cứ vào khoản 2 Điều 227 và Điều 288 Bộ luật Tố tụng dân sự xét xử vắng mặt bị đơn, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan.

[3]. Về yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn:

[3.1] Về số tiền vay và nghĩa vụ trả nợ: Căn cứ vào hợp đồng tín dụng số 5227LAV201802180 ngày 04/7/2018, do hai bên đã ký kết với nhau thì đã có căn cứ khẳng định: Vào ngày 04/7/2018, bà Nguyễn Thị P có vay của Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển nông thôn Việt Nam số tiền gốc 860.000.000 đồng, mức lãi suất trong hạn 9,5%/năm, nếu quá hạn phải chịu lãi suất bằng 150% so với mức lãi suất trong hạn.

Ông Hoàng Văn M có ký hợp đồng ủy quyền cho bà Nguyễn Thị P để vay vốn tại ngân hàng. Đây là nghĩa vụ phát sinh từ giao dịch do vợ chồng cùng thỏa thuận xác lập, bên cạnh đó mục đích bà P vay vốn tại Ngân hàng về để chăm sóc cà phê, trồng mới hồ tiêu, mua sắm vật dụng sinh hoạt nhằm đáp ứng nhu cầu thiết yếu của gia đình. Do đó, Hội đồng xét xử buộc ông Hoàng Văn M phải có nghĩa vụ trả nợ cho Ngân hàng Nông nghiệp và phát triển nông thôn Việt Nam cùng với bà Nguyễn Thị P là phù hợp với quy định tại Điều 27; Điều 37 Luật hôn nhân và gia đình.

Xét quan hệ pháp luật dân sự giữa các bên là hoàn toàn tự nguyện, không trái đạo đức xã hội và phù hợp với quy định tại Điều 463 Bộ luật dân sự năm 2015 và Điều 91 Luật các tổ chức tín dụng. Vì vậy, quyền và nghĩa vụ của các bên được pháp luật bảo vệ. Theo sự thỏa thuận của các bên thì Ngân hàng có quyền thu hồi các khoản nợ trước hạn nếu vi phạm thỏa thuận trong

hợp đồng tín dụng, khoản nợ gốc và lãi vi phạm được chuyển sang nợ quá hạn. Đến nay đã quá thời hạn trả nợ của kỳ hạn thứ nhất đối với số tiền gốc 280.000.000 đồng theo thỏa thuận trong hợp đồng nhưng ông Hoàng Văn M, bà Nguyễn Thị P mới chỉ trả được cho Ngân hàng số tiền lãi phát sinh 41.409.589 đồng. Bà Phương, ông M đã vi phạm về nghĩa vụ trả nợ theo Điều 5 Hợp đồng tín dụng 5227LAV201802180 ngày 04/7/2018 đã ký, theo quy định tại khoản 1 Điều 466 Bộ luật dân sự.

Từ những phân tích trên, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển nông thôn Việt Nam, buộc ông Hoàng Văn M và bà Nguyễn Thị P phải trả nợ cho Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển nông thôn Việt Nam tổng số tiền tính đến ngày xét xử sơ thẩm (27/3/2020) là: Tiền gốc 860.000.000 đồng + lãi suất phát sinh trong hạn 141.687.945 đồng + lãi suất quá hạn đối với số tiền gốc quá hạn của kỳ thứ nhất 9.729.041 đồng - số tiền lãi ông M, bà P đã trả 41.409.589 đồng = 970.007.397 đồng.

Đồng thời, buộc ông M, bà P còn phải chịu lãi suất phát sinh tính từ ngày 28/3/2020 cho đến khi ông M, bà P trả hết số nợ cho Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển nông thôn Việt Nam theo mức lãi suất quá hạn của hợp đồng tín dụng số 5227LAV201802180 ngày 04/7/2018.

[3.2] Về xử lý tài sản thế chấp: Căn cứ vào hợp đồng thế chấp ngày 25/8/2014, ngày 12/01/2015, phụ lục hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất ngày 03/7/2018 xác định được bà Nguyễn Thị P có thế chấp cho Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển nông thôn Việt Nam quyền sử dụng đất + tài sản gắn liền trên đất diện tích 6.150 m² cà phê, tại thửa đất số 119, tờ bản đồ số 9 theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số P 069592 ngày 03/6/2002 mang tên hộ ông Hoàng Văn M; quyền sử dụng đất + tài sản gắn liền trên diện tích đất 5050,7 m² đất trồng cây lâu năm, tại thửa đất số 1, tờ bản đồ số 61 theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BA 789627 ngày 20/5/2010 mang tên hộ ông Hoàng Văn M, bà Nguyễn Thị P; quyền sử dụng đất + tài sản gắn liền trên diện tích đất 8688,2 m² đất trồng cây lâu năm, tại thửa đất số 18, tờ bản đồ số 21 theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BQ 795075 ngày 30/6/2014 mang tên hộ ông Hoàng Văn M, bà Nguyễn Thị P.

Căn cứ vào hợp đồng ủy quyền đã ký giữa ông Hoàng Văn M, anh Hoàng Văn L, chị Nguyễn Thị C thể hiện ý chí của ông M, anh L, chị C đồng ý để cho bà P ký các thủ tục vay vốn tại Ngân hàng và đồng ý xử lý tài sản thế chấp theo quy định của pháp luật. Do đó, Hội đồng xét xử cần xử lý các tài sản của hộ ông Hoàng Văn M, bà Hoàng Thị P để thu hồi nợ trong trường hợp ông

M, bà P không trả nợ hoặc không trả đủ cho Ngân hàng theo quy định của pháp luật.

[3.3] Đại diện theo ủy quyền lại của nguyên đơn đã rút yêu cầu xử lý các tài sản khác ngoài phạm vi hợp đồng thế chấp thuộc quyền sở hữu, sử dụng của ông Hoàng Văn M và bà Nguyễn Thị P để thu hồi nợ. Hội đồng xét xử xét thấy việc rút yêu cầu này là hoàn toàn tự nguyện, không trái với quy định của pháp luật nên cần chấp nhận.

[4]. Về án phí dân sự sơ thẩm: Do yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn được chấp nhận nên bị đơn chịu án phí là 36.000.000 đồng x (3% x 170.007.397 đồng) = 41.100.000 đồng.

Nguyên đơn không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm nên được trả lại số tiền đã nộp tạm ứng án phí tại Chi cục thi hành án dân sự huyện Krông Năng tỉnh Đắk Lắk.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 3 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 3 Điều 144; khoản 1 Điều 147; điểm b khoản 2 Điều 227; khoản 3 Điều 228; Điều 271; Khoản 1 Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ Điều 463; khoản 1 Điều 466; khoản 1 Điều 468 Bộ luật dân sự;

Căn cứ khoản 2 Điều 91 Luật các tổ chức tín dụng;

Căn cứ Điều 27; Điều 37 Luật Hôn nhân và gia đình;

Căn cứ khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội.

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển nông thôn Việt Nam.

Buộc ông Hoàng Văn M, bà Nguyễn Thị P phải trả cho Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển nông thôn Việt Nam tổng số tiền 970.007.397 đồng, trong đó nợ gốc 860.000.000 đồng, lãi suất phát sinh tính đến ngày 27/3/2020 là 110.007.397 đồng.

Kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm (ngày 28/3/2020) cho đến khi thi hành án xong, ông Hoàng Văn M và bà Nguyễn Thị P còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quá hạn mà các bên đã thỏa thuận trong hợp đồng tín dụng số 5227LAV201802180 ngày 04/7/2018.

Sau khi ông Hoàng Văn M, bà Nguyễn Thị P trả hết nợ cho Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển nông thôn Việt Nam thì Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển nông thôn Việt Nam có nghĩa vụ trả lại cho ông Hoàng Văn M, bà Nguyễn Thị P giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số P 069592 ngày 03/6/2002 mang tên hộ ông Hoàng Văn M, giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BA 789627 ngày 20/5/2010 mang tên hộ ông Hoàng Văn M, bà Nguyễn Thị P và giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BQ 795075 ngày 30/6/2014 mang tên hộ ông Hoàng Văn M, bà Nguyễn Thị P.

Trường hợp ông Hoàng Văn M, bà Nguyễn Thị P không trả hoặc trả không hết nợ cho Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển nông thôn Việt Nam thì Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển nông thôn Việt Nam được quyền yêu cầu Cơ quan thi hành án dân sự có thẩm quyền xử lý tài sản mà ông Hoàng Văn M, bà Nguyễn Thị P, anh Hoàng Văn L, chị Hoàng Thị C đã thế chấp để thu hồi nợ theo quy định của pháp luật.

2. Về án phí: Ông Hoàng Văn M và bà Nguyễn Thị P phải chịu 41.100.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch.

Trả lại cho Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển nông thôn Việt Nam số tiền 19.617.500 đồng đã nộp tạm ứng án phí tại Chi cục thi hành án dân sự huyện Krông Năng, tỉnh Đắk Lắk theo biên lai số AA/2019/0002565 ngày 14/8/2019.

3. Về quyền kháng cáo: Đương sự có mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án sơ thẩm trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Đương sự vắng mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án sơ thẩm trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc ngày niêm yết bản án hợp lệ.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành án theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Đắk Lắk;
- VKSND tỉnh Đắk Lắk;
- VKSND huyện Krông Năng;
- Chi cục THADS huyện Krông Năng;
- Đương sự;
- Lưu hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Tạ Thanh Hoàng

